TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HS-ST
Ngày: 14-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Duy Cửu – Phó chủ tịch UBMTTQ huyện Hòa Vang.
2. Ông Nguyễn Đình Hùng – Giáo viên nghỉ hưu

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 89A/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Hồ Văn Tuấn A** (tên gọi khác: Ku); Sinh ngày: 21/9/2005 tại tỉnh Quảng Nam; Căn cước công dân số: 049205012646, cấp ngày 31/05/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn Tuấn B (sinh năm 1971) và bà Võ Thị L (sinh năm 1977); Vợ, con: chưa.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Đoàn Văn T**, sinh ngày 10/04/2006 tại tỉnh Quảng Nam (*Khi thực hiện hành vi phạm tội Đoàn Văn T 17 tuổi 10 tháng 22 ngày*); Căn cước công dân số: 049206007390, cấp ngày 16/09/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn Đ (đã chết) và bà Bùi Thị D (sinh năm 1969); Vợ, con: chưa.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Thành Đ1 – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đ (*có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Em **Ngô K**, sinh năm 2009; Người đại diện hợp pháp của Ngô K: Ông Ngô Châu T1, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1986; Cùng trú tại: Thôn X, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (*Em K, ông T1 và bà L1 vắng mặt*);

+ Em **Trần Ngọc N**, sinh năm 2009; Người đại diện hợp pháp của Trần Ngọc N: Ông Trần X, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị Á, sinh năm 1968; Cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (*Em N và ông X có mặt; bà Á vắng mặt*);

+ Em Văn Thành T2, sinh năm 2009; Người đại diện hợp pháp của Văn Thành T2: Ông Văn Đình H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1974; Cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (E*, ông H và bà B1 đều có mặt*);

+ Ông **Trần X**, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (*có mặt*);

+ Ông **Hồ Văn Tuấn B**, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (*có mặt*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước trên mạng xã hội Facebook nên nhóm của Nguyễn Phước Ngân T3 (*sinh năm 2006; trú tại thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng*) rủ rê nhóm bạn gồm: Nguyễn Văn P (*sinh năm 2007; trú tại thôn Y, xã H, huyện H*), Nguyễn Văn T4 (*sinh năm 2007; trú tại thôn L, xã H, huyện H*), Đặng H1 (*sinh năm 2004; trú tại thôn T, xã H, huyện H*) và Lê N1 (*sinh năm 2009; trú thôn L, xã H, huyện H*) để tham gia đánh nhau với nhóm của Nguyễn Thị Thủy T5 (*sinh năm 2009*) gồm Nguyễn Thị Ánh T6 (sinh năm 2009) đều trú tại thôn Y, xã H, huyện H và N (*sinh ngày 02/9/2009; trú tại thôn X, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam*) thì tất cả đồng ý.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/03/2024 hai nhóm gặp nhau tại khu vực tháp chuông nghĩa trang liệt sĩ xã H. Khi cả hai nhóm gặp nhau thì T3 lao vào dùng tay nắm tóc và đánh T5 khoảng 4 đến 5 cái trúng vào phần lưng bên phải của T5 và T5 lao vào dùng tay phải của mình đánh lại T3 khoảng 4 đến 5 cái trúng vào phần lưng và đầu của T3. T6 thấy T5 bị đánh nên lao vào dùng chân đạp hai cái vào hông của T3, P thấy T6 đánh T3 nên liền xông đến dùng chân đạp một cái trúng vào hông phải của T6 làm T6 ngã xuống nền đất. Lúc này K nhìn thấy T6 và T5 bị đánh nên cầm một cây sắt dài khoảng 50cm, đường kính tròn khoảng 2cm đã chuẩn bị từ trước lao vào đánh P nhưng không trúng. Cùng lúc đó T4 thấy P bị K dùng cây sắt đánh nên T4 dùng cánh tay phải của mình đánh 3 cái trúng vào phần vai phải của K, H1 dùng cánh tay phải của mình đánh 2 cái vào phần sườn bên trái của K và N1 liền lao vào dùng tay và chân đánh vào phần lưng của K nhưng không nhớ rõ là đánh bao nhiêu cái. Lúc này K bị đánh nên bỏ chạy và vứt lại cây sắt, sau đó mọi người ra về.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, do bực tức về việc bị nhóm của em Nguyễn Phước Ngân T3 đánh nên Ngô K đi về nhà rủ thêm Văn Thành T2 (*sinh*

ngày 22/10/2009), Hồ Văn Tuấn A (*sinh ngày 21/9/2005*), Trần Ngọc N (*sinh ngày 09/11/2009*) và Đoàn Văn T (*sinh ngày 10/4/2006*); cùng trú thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam để đi đánh lại nhóm của T3 tại xã H thì tất cả đồng ý và tập trung tại nhà K. Sau đó, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xám đen BKS 92D1-476.44 chở K ngồi giữa, T2 ngồi phía sau cầm theo 01 con dao tự chế dài 1m91 (ống tuýp bằng kim loại rèn với lưỡi dao bầu - do K chuẩn bị từ trước đưa cho T2), còn Hồ Văn Tuấn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen BKS 92D1-930.57 chở theo Đoàn Văn T. Cả nhóm đi đến khu vực xung quanh nghĩa trang liệt sĩ xã H tìm đánh nhóm của Nguyễn Phước N2 Thùy thì bị Công an xã H tuần tra phát hiện kịp thời ngăn chặn việc đánh nhau.

Quá trình làm việc tại Cơ quan Công an thì tất cả đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*** Tang vật tạm giữ:** 01 con dao phóng có cán bằng kim loại dài 1,68 mét được gắn lưỡi dao bầu nhọn dài 23cm.

Tại kết luận giám định số 238 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Phòng KTHS-Công an thành phố Đ kết luận mẫu vật gửi giám định là vũ khí tự chế tạo, có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu xám đen BKS 92D1-476.44;
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen BKS 92D1-930.57;
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu đỏ thu giữ của Văn Thành T2;
- 01 điện thoại di động hiệu Redme Note 8 thu giữ của Ngô K
- 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xám thu giữ của Hồ Văn Tuấn A.

Cáo trạng số 86/CT-VKS-HV ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng truy tố Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T trình bày nội dung sự việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hồ Văn Tuấn A từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo từ 12 đến 18 tháng.

Tuyên giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục.

Về xử lý vật chứng:

+ Ngày 13/5/2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H đã ban hành Quyết định xử lý vậy chứng số 487/QĐ-CSĐT trả lại cho ông Trần X: 01 xe

mô tô BKS 92D1-476.44 và trả lại cho ông Hồ Văn Tuấn B: 01 xe mô tô BKS 92D1-930.57 là đúng quy định nên không đề cập giải quyết.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; tuyên xử:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu đỏ thu giữ của Văn Thành T2; 01 điện thoại di động hiệu Redme Note 8 thu giữ của Ngô K và 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xám thu giữ của Hồ Văn Tuấn A liên quan đến việc phạm tội.

- Đối với 01 con dao phóng có cán bằng kim loại dài 1,68 mét được gắn lưỡi dao bầu nhọn dài 23cm là tang vật liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

(*Tất cả các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang*).

Về án phí: Buộc các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T không có ý kiến tranh luận đối đáp gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn T thống nhất với tội danh, điều khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo Đoàn Văn T; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự xử phạt đối với bị cáo Đoàn Văn T mức hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện được học tập tu dưỡng để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đối đáp với luật sư: Thưa Hội đồng xét xử, người bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là chưa đủ cơ sở bởi lẽ khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự quy định là "*người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*" nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T là áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình sự cho bị cáo T theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ là chưa thỏa đáng, không có tác dụng răn đe giáo dục nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là em Trần Ngọc N; Người đại diện hợp pháp của Trần Ngọc N là ông Trần X; em Văn Thành T2; Người đại diện hợp pháp của Văn Thành T2: Ông Văn Đình H và bà Nguyễn Thị B1; ông Trần X, và ông Hồ Văn Tuấn B không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Hồ Văn Tuấn A nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo hứa không đi đánh nhau nữa, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo lao động để trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

Bị cáo Đoàn Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo hứa sẽ không đi đánh nhau nữa, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo lao động để trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là em Ngô K, người đại diện hợp pháp của em Ngô K là ông Ngô C và bà Nguyễn Thị L1; người đại diện của Trần Ngọc N là bà Đỗ Thị Á vắng mặt nhưng không có lý do. Xét việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của những người trên.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Qua xem xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, cũng như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn cá nhân nên vào ngày 03/03/2024 Ngô K rủ Văn Thành T2, Trần Ngọc N, Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T đi đánh nhau với nhóm của em Nguyễn Phước Ngân T3 thì tất cả đồng ý. Cả nhóm đi trên hai xe mô tô và mang theo 01 con dao phóng có cán bằng kim loại dài 1,68 mét được gắn lưỡi dao bầu nhọn dài 23cm để tìm đánh lại nhóm của em T3. Khi đi đến gần khu vực nghĩa trang liệt sĩ xã H thuộc thôn L, xã H, huyện H thì bị Công an xã H tuần tra phát hiện kịp thời ngăn chặn nên nhóm của K chưa gây thương cho nhóm của T3. Tại kết luận giám định số: 238/KL-KTHS ngày 27/3/2024 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận: Mẫu vật gửi giám định (*01 con dao bằng kim loại, được gắn với 01 thanh kim loại, tổng chiều dài là 191cm*..) là vũ khí tự chế, có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ. Hành vi của các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T đã phạm vào tội: "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật hình sự như cáo trạng số 86/CT-VKS-HV ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Các bị cáo đều nhận thức được việc sử dụng hung khí để đi đánh nhau gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng các bị

cáo đã xem thường pháp luật, khi được Ngô K rủ đi đánh nhóm của em Nguyễn Phước Ngân T3 thì Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T đều đồng ý và cùng cả nhóm chuẩn bị vũ khí tự chế là ống tuýt bằng kim loại rèn gắn với lưỡi dao bầu và sử dụng xe mô tô chở nhau từ thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam ra xã H, huyện H để đánh nhau giải quyết mâu thuẫn thì bị lực lượng Công an xã H ngăn chặn, bắt quả tang về hành vi phạm tội của mình. Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nếu không bị phát hiện ngăn chặn kịp thời thì sẽ gây thương tích, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người khác. Do đó, cần xét xử các bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[2.3] Bị cáo Hồ Văn Tuấn A là người trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nhưng khi được Ngô K rủ đi đánh nhau ở xã H thì bị cáo đã đồng ý ngay và bị cáo đã dùng xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát số 92D1-930.57 chở Đoàn Văn T cùng với cả nhóm gồm N, K, T2 đem theo cây dao tự chế đi đánh nhau. Bị cáo đồng phạm với bị cáo T nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, nhưng bị cáo Tuấn A đã tham gia tích cực hơn, là người trực tiếp điều khiển xe mô tô chở T và nên mức hình phạt của bị cáo Hồ Văn Tuấn A phải cao hơn so với bị cáo Đoàn Văn T.

[2.4] Bị cáo Đoàn Văn T cũng là đồng phạm với bị cáo Hồ Văn Tuấn A, bị cáo cũng tham gia tích cực, khi được K rủ đi tìm người để đánh nhau thì T cũng đồng ý và cùng với bị cáo Tuấn A và cả nhóm đi từ xã Đ, T xã H, huyện H để đánh nhau nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên mức hình phạt của bị cáo T phải thấp hơn so với bị cáo Hồ Văn Tuấn A. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T chưa đủ 18 tuổi nên chưa có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức có phần còn hạn chế nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi quyết định hình phạt.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu thuộc và trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt; bị cáo Đoàn Văn T có hoàn cảnh khó khăn, bố mất sớm, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng thêm các Điều 90, 91, 101 của Bộ luật hình sự để cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Các bị cáo Hồ Văn Tuấn A, Đoàn Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo T khi phạm tội chưa đủ tuổi thành niên (khi phạm tội mới có 17 tuổi 10 tháng 22 ngày); các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, bị cáo T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội chỉ mang tính chất bộc phát, nhất thời, khi được rủ đi đánh nhau thì các bị cáo đã đồng ý ngay mà không suy nghĩ.

Các bị cáo tuổi còn trẻ, tương lai còn dài; các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, biết ăn năn hối cải. Do đó, không cần phải buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng răn đe, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của P1 nói chung cũng như pháp luật về xử lý hình sự đối với người biết ăn năn hối lỗi và đặc biệt là người dưới 18 tuổi nói riêng.

[6] Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với đề nghị cho bị cáo T được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ thì thấy: bị cáo T đã tham gia tích cực trong việc phạm tội, đến thời điểm hiện nay bị cáo đã đủ tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo cũng đã cân nhắc đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là chưa đủ sức răn đe, giáo dục nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của luật sư người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn T là cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 13/5/2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H đã ban hành Quyết định xử lý vậy chứng số 487/QĐ-CSĐT trả lại cho ông Trần X: 01 xe mô tô BKS 92D1-476.44 và trả lại cho ông Hồ Văn Tuấn B: 01 xe mô tô BKS 92D1-930.57 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 01 con dao phóng có cán bằng kim loại dài 1,68 mét được gắn lưỡi dao bầu nhọn dài 23cm là vũ khí tự chế tạo, có tính năng tác dụng tương tự vũ khí thô sơ liên quan đến việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu đỏ thu giữ của Văn Thành T2; 01 điện thoại di động hiệu Redme Note 8 thu giữ của Ngô K và 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xám thu giữ của Hồ Văn Tuấn A liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Đối với Nguyễn Phước Ngân T3, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn T4, L, Đặng H1, Nguyễn Thị Thủy T5, Nguyễn Thị Ánh T6, Trần Ngọc N, Văn Thành T2, Ngô K có hành vi đánh nhau nhưng chưa đủ căn căn cứ để xử lý hình sự. Do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H chuyển hồ sơ cho Công an huyện H để xử lý theo thẩm quyền là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Ông Trần X là chủ sở hữu xe mô tô BKS 92D1-476.44 và ông Hồ Văn Tuấn B là chủ sở hữu xe mô tô BKS 92D1-930.57. Khi Trần Ngọc N và Hồ Văn

Tuấn A sử dụng hai xe môt tô nêu trên để đi thực hiện hành vi phạm tội thì ông X và ông B đều không biết. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý với ông Trần X và ông Hồ Văn Tuấn B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[10] Đối với Ngô K, Văn Thành T2 và Trần Ngọc N: Tại thời điểm thực hiện hành vi nêu trên thì đều chưa đủ 16 tuổi, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T phạm tội: *"Cố ý gây thương tích".*

1. Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn Tuấn A 01 (*một*) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (*hai*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14 tháng 9 năm 2024.

2. Căn cứ vào khoản 6 Điều 134; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn T 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14 tháng 9 năm 2024.

Tuyên giao các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T về Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo Hồ Văn Tuấn A, Đoàn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên xử:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao phóng có cán bằng kim loại dài 1,68 mét được gắn lưỡi dao bầu nhọn dài 23cm.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu đỏ thu giữ của Văn Thành T2; 01 điện thoại di động hiệu Redme Note 8 thu giữ của Ngô K và 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xám thu giữ của Hồ Văn Tuấn A.

Tất cả các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (*theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06/8/2024 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H với đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc các bị cáo Hồ Văn Tuấn A và Đoàn Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo/Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Công an huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đức Thiện